

**DANH SÁCH CHƯA BỔ NHIỆM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP, XẾP LƯƠNG VIÊN CHỨC
GIẢNG DẠY TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC THPT, TRUNG TÂM GDNN-GDTX CÔNG LẬP THUỘC SỞ GDĐT
(đợt tháng 7 năm 2023)**

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, công việc hiện đang đảm nhiệm	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng theo TC CDNN	Chức danh nghề nghiệp hiện giữ						Đề nghị bổ nhiệm CDNN mới					Thời gian bổ nhiệm CDNN và xếp lương	Thời gian nâng bậc lương lần sau	Ghi chú			
							Mã số	Tên CDNN	Bậc lương	Hệ số	VK	Bao lưu	Thời gian để tính NBL lần sau	Mã số	Tên CDNN mới	Bậc lương	Hệ số				VK	Bao lưu	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		
1	Lã Văn Thanh	30/12/1977	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Khuyến	Ths. SP Vật lý, ĐH ngành Công nghệ hạt nhân ĐHKHTN, có CC đã học xong các bộ môn Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học do ĐHSPPH cấp 2000	Giáo viên THPT hạng II	V.07.05.14	Giáo viên THPT hạng II	3	4,68			01/7/2022	V.07.05.14	Giáo viên THPT hạng II	3	4,68						Chứng chỉ môn học
2	Nguyễn Thị Hào	05/07/1979	Giáo viên	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	ĐHKHXH&NV ngành Lịch sử có CC đã học xong các bộ môn Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học do ĐHSPPH cấp 2000	Giáo viên THPT hạng II	V.07.05.14	Giáo viên THPT hạng II	2	4,34			01/01/2020	V.07.05.14	Giáo viên THPT hạng II	2	4,34						Chứng chỉ môn học
3	Vũ Thị Tuyết Anh	26/5/1979	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Nguyễn Bính	ĐHKHXH&NV ngành Văn học, có CC đã học xong các bộ môn Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học do ĐHSPPH cấp 2000	Giáo viên THPT hạng II	V.07.05.14	Giáo viên THPT hạng II	2	4,34			01/10/2020	V.07.05.14	Giáo viên THPT hạng II	2	4,34						Chứng chỉ môn học
4	Phạm Trung Tính	20/10/1979	Giáo viên	Trường THPT Mỹ Tho	ĐHKHTN-ĐHQGHN ngành Công nghệ hóa học, Chứng nhận BDSP bậc I (Cao đẳng SPKT Nam Định cấp 2004)	Giáo viên THPT hạng II	V.07.05.14	Giáo viên THPT hạng II	2	4,34			01/7/2021	V.07.05.14	Giáo viên THPT hạng II	2	4,34						Chứng nhận BDSP bậc I (Cao đẳng SPKT Nam Định cấp 2004)
5	Bùi Như Toán	03/6/1978	Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Lý Nhân Tông	ThS QLGD, ĐH Hoá vô cơ, có CC đã học xong các bộ môn Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học do ĐHSPPH cấp 2000	Giáo viên THPT hạng II	V.07.05.14	Giáo viên THPT hạng II	2	4,34			01/01/2020	V.07.05.14	Giáo viên THPT hạng II	2	4,34						CHỨNG CHỈ MÔN HỌC foto bảng điểm
6	Trần Thị Luyên	23/11/1978	Giáo viên	Trường THPT Trần Nhân Tông	Ths. Ngữ văn, ĐHKHXH-NV ngành Ngữ văn, có CC đã học xong các bộ môn Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học do ĐHSPPH cấp 2000	Giáo viên THPT hạng II	V.07.05.14	Giáo viên THPT hạng II	1	4,00			01/10/2019	V.07.05.14	Giáo viên THPT hạng II	1	4,00						CHỨNG CHỈ MÔN HỌC foto bảng điểm
7	Phạm Quang Tuyền	#####	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Trường Thù	Ths. Toán, ĐHKHTN ngành Toán học	Giáo viên THPT hạng II	V.07.05.14	Giáo viên THPT hạng II	2	4,34			01/10/2019	V.07.05.14	Giáo viên THPT hạng II	2	4,34						Giấy chứng nhận Không đủ ĐK
8	Phùng Quang Tuấn	16/9/1964	Giáo viên	Trường THPT chuyên Lê Hồng	Cao đẳng SP Âm nhạc		15c.207		10	4,98	7%		01/4/2021			10	4,98	7%				Trình độ chưa đạt chuẩn (Hưu 2025)	

9	Vũ Thị Thu Trang	14/11/1971	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Khuyến	Cử nhân Ngoại ngữ (ĐH Ngoại ngữ ĐHQGHN)	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	9	4,98			12/01/2022	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	9	4,98							Pho to bảng điểm
10	Cao Thanh Hùng	16/12/1977	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Khuyến	Cử nhân Vật lí (ĐH KHTN)	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	8	4,65			05/01/2021	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	8	4,65							Chưa có CCNVSP
11	Phan Ngọc Thành	17/4/1985	Giáo viên	Trường THPT Ngô Quyền	Cử nhân Tin học (Chưa có CCNVSP)	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	4	3,33			09/01/2021	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	4	3,33							Chưa có CCNVSP
12	Ngô Văn Thuyết	15/6/1963	Giáo viên	Trường THPT Lương Thế Vinh	Viện ĐH Mở - Tiếng Anh	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	9	4,98			01/10/2020	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	9	4,98							Nghi Hưu 2024
13	Đình Thành Trung	23/4/1973	Giáo viên	Trường THPT Phạm Văn Nghị	ĐH Tiếng Anh,GCN	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	9	4,98			01/3/2021	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	9	4,98							Giấy chứng nhận xem lại HS
14	Đoàn Thanh Huyền	26/8/1979	Giáo viên	Trường THPT B Nghĩa Hưng	ĐHKHTN ngành Toán học, CCNVSP	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	7	4,32			01/4/2020	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	7	4,32							Giấy chứng nhận Không đủ ĐK
15	Nguyễn Thanh Bình	20/08/1974	Giáo viên	Trường THPT C Nghĩa Hưng	ĐH Tiếng Anh, CN NVSP	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	9	4,98			01/12/2021	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	9	4,98							Giấy chứng nhận (đạt trình độ tương đương ĐH chính quy SPTA)
16	Vũ Hùng Phấn	15/9/1974	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Du	Đại học Đà Lạt - Ngữ văn	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	8	4,65			01/5/2022	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	8	4,65							Chưa có CCNVSP
17	Vũ Ngọc Phan	14/12/1971	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Du	Đại học Đà Lạt - Lịch sử	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	9	4,98			01/3/2020	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	9	4,98							Chưa có CCNVSP
18	Đặng Thu Là	05/02/1979	Giáo viên	Trường THPT Trục Ninh	Cử nhân Văn học,Thiếu CCNVSP	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	7	4,32			01/4/2021	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	7	4,32							Chứng chỉ môn học
19	Ngô Văn Hùng	20/3/1978	Giáo viên	Trường THPT Nguyễn Trãi	Cử nhân Lịch sử, CCNVSP	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	8	4,65			01/11/2022	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	8	4,65							Chứng chỉ môn học
20	Hoàng Quang Dũng	16/07/1971	Giáo viên	Trung tâm KTTH HN tỉnh Nam Định	Cử nhân kinh tế		V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	8	4,65			01/5/2020	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	8	4,65							Giấy chứng nhận
21	Nguyễn Thị Tân	25/01/1971	Giáo viên	Trung tâm KTTH HN tỉnh Nam Định	ĐH kinh tế kỹ thuật công nghiệp, Công nghệ May		V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	9	4,98	9%		01/3/2022	V.07.05.15	Giáo viên THPT hạng III	9	4,98	9%						Chưa có CCNVSP

Danh sách này gồm có: 21 người

